**PHẦN MỀM QUẢN LÝ NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ RA ĐỀ SMARTTEST**

***I. Tên đăng nhập và mật khẩu phần mềm SmartTest***

Nhằm bảo mật thông tin, dữ liệu cho người dùng. Phần mềm SmartTest yêu cầu người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản. Tài khoản mặc định: Tên tài khoản: admin Mật khẩu: admin

***II . Gõ tiếng việt trong phần mềm SMARTTEST:***

- Click chuột phải vào ứng dụng “Unikey” =>chọn “Run this program as an Administrator” 5

***III. Các chức năng chính:***

**1. Quản lý dữ liệu:**

*1.1 Quản lý thư mục*: Đây là tính năng cho phép thêm, sửa, xóa, di chuyển các thư mục môn, chuyên đề, chủ đề, bài học, tiết học…

\* Cách thêm thư mục:

Bước 1: Chọn nơi cần thêm – khối lớp, chuyên đề, bài học…

Bước 2: Chọn thêm thư mục

Bước 3: Đặt tên cho thư mục mới.

Bước 4: Chọn nút Enter.

\* Di chuyển, sửa thư mục:

Bước 1: Chọn thư mục cần di chuyển, dùng chuột kéo thả vào môn, chuyên đề mong muốn.

Bước 2: Xác nhận đồng ý nếu phần mềm có hỏi.

\* Đổi tên thư mục

Bước 1: Chọn khối lớp môn học hoặc chuyên đề, tiết học cần sửa tên

Bước 2: Double click vào tên cần sửa hoặc chọn chuột phải chọn sửa hoặc nhấn phím F2 để sửa tên.

Bước 3: Đổi tên và nhấn enter.

\* Xóa thư mục

Bước 1: Chọn ô vuông trước thư mục cần xóa.

Bước 2: Chọn xóa thư mục.

Bước 3: Chọn yes để xác nhận xóa thư mục.

*1.2 Quản lý câu hỏi:*

1.2.1 Cập nhật từng câu:

Cập nhật câu hỏi đơn

\* Câu trắc nghiệm:

Bước 1: Chọn dạng câu =>chọn mức độ kiến thức.

Bước 2: Chọn thư mục lưu trữ câu hỏi chọn khối lớp=>môn, chuyên đề, bài học, tiết học.

Bước 3: Nhập nội dung câu hỏi =>đáp án =>Dùng “thêm đáp án” “xóa” để bổ sung hay loại trừ bớt đáp án.

Bước 4: Chọn đáp án đúng và “cố định” vị trí đáp án. Cố định là đáp án luôn luôn nằm một vị trí, không đảo hay hoán vị khi ra đề thi.

Bước 5: Hoàn thành để cập nhật câu hỏi vào CSDL của phần mềm.

\* Câu gạch chân:

Bước 1: Chọn dạng câu gạch chân, chọn mức độ kiến thức.

Bước 2: Chọn thư mục lưu trữ câu hỏi chọn khối lớp, môn, chuyên đề, bài học, tiết học.

Bước 3: Nhập nội dung câu hỏi (lưu ý nội dung là đoạn văn chưa gạch chân)

Bước 4: Bôi đen đáp án cần gạch chân và “Gạch chân” đáp án.

Bước 5: Chọn đáp án đúng.

Bước 6: Hoàn thành để cập nhật câu hỏi vào CSDL của phần mềm.

\* Câu điền khuyết:

Bước 1: Chọn dạng câu điền khuyết, chọn mức độ kiến thức.

Bước 2: Chọn thư mục lưu trữ câu hỏi chọn khối lớp, môn, chuyên đề, bài học, tiết học.

Bước 3: Nhập nội dung câu hỏi (lưu ý nội dung là đoạn văn đầy đủ, chưa điền khuyết)

Bước 4: Bôi đen đáp án cần điền khuyết và “Điền khuyết” đáp án.

Bước 5: Bổ sung đáp án gây nhiễu (đáp án sai) bằng “thêm đáp án”

Bước 6: Hoàn thành để cập nhật câu hỏi vào CSDL của phần mềm.

\* Câu đúng sai:

Bước 1: Chọn dạng câu đúng sai, chọn mức độ kiến thức.

Bước 2: Chọn thư mục lưu trữ câu hỏi chọn khối lớp, môn, chuyên đề, bài học, tiết học.

Bước 3: Nhập nội dung câu hỏi.

Bước 4: Nhập các đáp án cho câu hỏi

Bước 5: Lựa chọn đáp án đúng đáp án sai bằng cách chọn vào ô vuông.

Bước 6: Thêm, xóa đáp án hoặc cố định đáp án nếu cần.

Bước 7: Hoàn thành để cập nhật câu hỏi vào CSDL của phần mềm.

\* Câu tự luận

Bước 1: Chọn dạng câu tự luận, chọn mức độ kiến thức.

Bước 2: Chọn thư mục lưu trữ câu hỏi chọn khối lớp, môn, chuyên đề, bài học, tiết học.

Bước 3: Nhập nội dung câu hỏi.

Bước 4: Nhập gợi ý đáp án cho câu hỏi

Lưu ý: Gợi ý đáp án này chỉ in ra phiếu soi đáp án không in ra đề thi.

Bước 5: Hoàn thành để cập nhật câu hỏi vào CSDL của phần mềm.

\* Câu nối chéo:

Bước 1: Chọn dạng câu đúng sai, chọn mức độ kiến thức.

Bước 2: Chọn thư mục lưu trữ câu hỏi: khối lớp, môn, chuyên đề, tiết học…

Bước 3: Nhập số lượng đáp án cho cột trái và cột phải (lưu ý số lượng đáp án bên trái luôn ít hơn hoặc bằng bên phải)

Bước 4: Nhập các đáp án cho cột trái và phải . Đáp án sẽ tương ứng 1 trái - 1 phải, 2 trái - 2 phải… Và đáp án tương tự đáp án 4 trong hình là đáp án gây nhiễu.

Bước 5: Hoàn thành để cập nhật câu hỏi vào CSDL của phần mềm.

1.2.2 Cập nhật từ File: Phần mềm SmartTest cho phép người dùng cập nhật câu hỏi từ file Word vào phần mềm với nhiều loại câu và nhiều mức độ khác nhau. Để làm được điều này, phần mềm SmartTest yêu cầu các file Word câu hỏi phải được soạn với cấu trúc do phần mềm quy định.

\* Các quy tắc:

a. Bắt đầu 1 câu hỏi: Bắt đầu câu hỏi cần sử dụng dấu # sau đó là dấu cách (khoảng trắng space) và đến nội dung câu hỏi.

b. Mức độ kiến thức: Có 4 mức độ kiến thức: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4. Sử dụng các số tương ứng từ 1 đến 4 để biểu thị mức độ cho câu hỏi bằng cách thêm vào liền sau dấu #. - Mức độ 1 dùng #1 - Mức độ 2 dùng #2 - Mức độ 3 dùng #3 - Mức độ 4 dùng #4 Lưu ý: sau #1 #2 #3 #4 vẫn luôn có các dấu cách. c. Cố định vị trí câu hỏi, vị trí đáp án: Để cố định vị trí câu hỏi hoặc đáp án, sử dụng cấu trúc <@>. Không cần thiết thêm dấu cách.

Ví dụ: #1 <@> Cho các từ bên dưới, từ nào là tính từ:

A. Mềm mại

B. Rừng núi

C. <@>Cả 2 ý trên đều sai

\* Cấu trúc từng dạng câu

- Câu đơn:

a. Trắc nghiệm một hoặc đa lựa chọn: Một đáp án của câu hỏi trắc nghiệm được ký hiệu bởi các ký tự: A. , B. , C. ... . Tức là bao gồm: một chữ cái in hoa, dấu chấm và một dấu cách. Đối với đáp án đúng, đổi màu chữ cái đầu (gồm cả dấu chấm) hoặc cả nội dung đáp án đổi màu khác màu đen automatic.

b. Tự luận: Đáp án của câu hỏi tự luận được ký hiệu bởi các ký tự TL: Bao gồm: TL và dấu : viết sát TL. Sau đó là dấu cách và nhập đáp án, gợi ý trả lời cho câu hỏi

Ví dụ: # Em hãy đặt một câu có mục đích hỏi?

TL: học sinh đặt được câu hỏi rõ ràng, làm rõ được ý nghĩa mục đích hỏi là đạt yêu cầu.

c. Đúng sai : Đáp án câu hỏi đúng - sai được qui định: Chữ Đ. được thêm vào trước đáp án đúng Chữ S. được thêm vào trước đáp án sai

Ví dụ: # Đúng ghi Đ, sai ghi S vào các câu sau đây

S. Chu vi hình vuông bằng 2 lần độ dài cạnh cả hình vuông.

Đ. Chu vi hình vuông bằng độ dài 1 cạnh nhân 4.

Đ. Chu vi hình tam giác bằng tổng độ dài 4 cạnh của tam giác đó.

S. Chu vi hình tam giác bằng độ dài một cạnh nhân với 3.

d. Gạch chân : Gạch chân dưới các đáp án của câu hỏi. Đáp án đúng dùng màu khác màu đen automatic để thể hiện.

e. Điền khuyết: Đáp án câu hỏi điền khuyết được quy định bắt đầu bằng các ký tự <1> ,<2> ,<3> … . Bắt buộc phải có ít nhất 1 dấu cách rồi mới tới nội dung đáp án (nội dung đáp án không được soạn thảo bên trong dấu ngoặc nhọn). Các đáp án của câu hỏi điền khuyết cần được sắp xếp theo thứ tự của các vị trí điền khuyết và phải được đổi màu khác màu đen automatic với đáp án đúng và giữ nguyên màu đen với đáp án gây nhiễu.

f. Nối chéo: Đáp án câu hỏi nối chéo được quy định bắt đầu bằng các ký tự <1>, <2>, <3>, <4> … hoặc <1>, <A>, <2>, <B> Kết thúc đán án là dấu “<>”. Các đáp án của câu hỏi nối chéo được phân theo cặp, với dòng vị trí lẻ là vế trái còn dòng vị trí chẵn là vế phải. Đối với đáp án nhiễu - sai (chỉ có ở dòng chẵn vế phải) thì thêm ký hiệu “<X>”(chỉ áp dụng cho câu hỏi nối chéo) ở câu dòng lẻ (vế trái) rồi mới ghi đáp án nhiễu - sai.

- Câu chùm: Câu chùm là một nhóm các câu hỏi đơn sử dụng một yêu cầu chung để trả lời.

a. Cấu trúc cơ bản câu chùm Để bắt đầu câu chùm cần sử dụng cấu trúc <chum> hoặc <g> và liền sau là một dấu space. Cuối câu chùm cần sử dụng </chum> hoặc </g> để đóng lại tương ứng.

b. Dạng câu trắc nghiệm Ví dụ: <chum> Đọc thầm và làm bài tập:

Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chăng?

# Đoạn thứ hai của bài (từ Gió bắt đầu nổi ...... dần biến đi.) tả cảnh rừng phương Nam vào thời gian nào?

A. Lúc ban trưa

B. Lúc ban mai

C. Lúc hoàng hôn

# Câu “Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình.” muốn nói điều gì?

A. Rừng phương Nam rất vắng người

B. Rừng phương Nam rất hoang vu

C. Rừng phương Nam rất yên tĩnh </chum>

c. Dạng câu tự luận

Ví dụ: <chum> Đọc thầm và trả lời câu hỏi: Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chăng?

# Đoạn thứ hai của bài (từ Gió bắt đầu nổi ...... dần biến đi) tả cảnh rừng phương Nam vào thời gian nào?

TL: # Câu “Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình.” muốn nói điều gì?

TL: </chum>

d. Dạng câu điền khuyết: Đây là dạng câu dùng trong môn tiếng Anh.

VD: <chum> Đọc và chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: Rừng cây \_(1)\_\_\_\_ quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta \_(2)\_\_\_\_\_. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chăng?

# <@> A. im lặng

B. náo nhiệt

C. ồn ào

D. yên tĩnh

# <@> A. hạnh phúc B. giật mình C. sung sướng D. giận dữ </chum>

1.2.3 Xem –sửa dữ liệu câu hỏi:

- Xem dữ liệu câu hỏi:

+ Chọn nơi lưu CSDL

+ Chọn loại câu hỏi

+ Chọn mức độ

* Để sửa dữ liệu câu hỏi bấm vào nút lệnh sửa câu hỏi
* Để xóa dữ liệu câu hỏi bấm vào nút lệnh xóa câu hỏi

**2. Ra đề thi:**

*2.1* *Ra đề chọn hỗn hợp*: Ra đề chọn hỗn hợp là tính năng cho phép người dùng lấy câu hỏi từ nhiều nguồn khác nhau.

Bước 1: Chọn nơi lấy câu hỏi từ phần mềm hoặc file Word:

+ Từ file: Chọn “Mở file Word”, tìm tới file Word đã có sẵn cấu trúc, chọn đưa vào phần mềm. Sau đó chọn “Từ file” + tên file đã đưa vào phần mềm.

+ Từ CSDL phần mềm: Chọn “CSDL trên máy”, chọn khối lớp, chọn môn học, chuyên đề cho phú hợp.

Bước 2: Chọn loại câu, mức độ kiến thức cho câu hỏi cần lấy. Lưu ý nếu file Word các câu hỏi chỉ dùng dấu # không dùng #1 #2 #3 #4 để phân mức độ kiến thức thì khi đưa vào phần mềm, bước này lưu ý bỏ chọn hết toàn bộ mức độ kiến thức thì mới thấy câu hỏi.

Bước 3: Chọn câu hỏi cần lấy:

+ Chọn ô vuông trước câu hỏi cần đưa vào đề thi chọn mũi tên sang tay phải để đưa vào danh sách lựa chọn.

+ Chọn ngẫu nhiên 1 số lượng câu cần lấy , sau đó nhấn chọn “Lấy ngẫu nhiên” để chọn câu hỏi.

Bước 4: Chọn xuất đề thi để chuyển sang giao diện xuất đề thi.

Bước 5: Hoàn thành thông số đề thi.

Bước 6: Hoàn thành việc ra đề.

*2.2 Ra đề từ file Word*

\* Cách đưa đề thi vào:

Ra đề từ file Word là tính năng cho phép sử dụng file word câu hỏi với cấu trúc do phần mềm quy định để phần mềm đảo vị trí câu hỏi, vị trí đáp án và xuất biểu mẫu nhiều đề thi khác nhau.

Bước 1: Mở file Word câu hỏi (lưu ý file Word cấu trúc do phần mềm quy định)

Bước 2: Nội dung file Word đề thi cho phép xem trong giao diện phần mềm

Bước 3: Nhập các thông tin: khối lớp, Môn thi/kiểm tra, Tiêu đề thi/kiểm tra, thời gian thi/kiểm tra

Bước 4: Nhập số lượng đề thi, chọn mã đề, thay đổi số để chỉnh sửa mã đề

Bước 5: Chọn các thông tin xuất đề phù hợp:

+ Thi trên đề: in ra đề thi với biểu mẫu làm trực tiếp trên đề.

+ Xuất bảng trả lời: in ra bảng trả lời Trắc nghiệm cho các câu hỏi trắc nghiệm.

+ Thi tiếng Anh: in ra biểu mẫu thi tiếng Anh cho đề thi dành cho môn tiếng Anh.

+ Đánh lại số câu: đánh lại số thứ tự câu hỏi trong các nhóm khác nhau, với mỗi nhóm câu hỏi sẽ được đánh số từ đầu

+ Xuất dữ liệu chấm trắc nghiệm: in ra các thông tin, file biểu mẫu hỗ trợ chấm trắc nghiệm.

+ Ẩn điểm trên đề: ẩn điểm trên đề thi.

Bước 6: Chỉnh sửa điểm cho câu hỏi

+ Tích chọn ô nhập điểm.

+ Chỉnh sửa thang điểm bằng cách chỉnh sửa trên từng câu hỏi hoặc dùng “Chia điểm” để chia đều điểm cho các câu hỏi.

Bước 7: Chỉnh sửa thêm thông tin đề thi xuất ra

+ Số thứ tự bắt đầu: là số thứ tự bắt đầu câu hỏi đầu của đề thi. Thường áp dụng trộn đề thi tổ hợp KHTN, KHXH thi THPT quốc gia.

+ Cỡ chữ nội dung bài thi: là kích thước văn bản đề thi in ra (font size).

+ Sắp xếp theo mức độ kiến thức: các câu hỏi của đề thi sẽ được sắp xếp theo mức độ kiến thức khó tăng dần hoặc ngẫu nhiên nếu không chọn tính năng này.

Bước 8: Chọn xuất đề thi hoặc xuất đề cương

+ Xuất đề thi: in ra đề thi với các biểu mẫu do phần mềm sắp xếp.

+ Xuất đề cương: in ra đề cương ôn tập giúp học sinh ôn tập kiến thức.

Bước 9: Chọn thư mục lưu các đề thi hay đề cương được xuất ra

*2.3 Ma trận đề*

\* Tạo mới, lưu, mở file ma trận tương tự tính năng New, Save, Open trong Word.

Bước 1: Tùy chỉnh thông số cho ma trận đề thi: Khối lớp, môn thi, tiêu đề, tổng câu, tổng điểm, thời gian, số lượng đề và ngày làm ma trận

Bước 2: Chọn thư mục chứa câu hỏi, Khối lớp, môn, chuyên đề cần lấy câu hỏi

Bước 3: Chọn loại câu hỏi, mức độ kiến thức cần lấy vào đề thi, ma trận.

Bước 4: Nhập số lượng câu cần lấy hoặc tỷ lệ % số lượng câu cần lấy + nhập điểm tương ứng.

Bước 5: Chọn trùng lặp hoặc không trùng lặp:

+ Trùng lặp: các đề thi khi được phần mềm lấy câu hỏi sẽ giống nhau hoàn toàn 100% về nội dung (trùng nội dung). Trộn nhiều đề thi giống nội dung, các câu hỏi, đáp áp sẽ được hoán vị tạo thành nhiều đề khác nhau.

+ Không trùng: các đề thi sẽ khác nhau về nội dung câu hỏi nhưng các câu hỏi này cùng được lưu trữ chung trong một thư mục, cùng loại câu, cùng mức độ. Trộn nhiều đề thi khác nhau về nội dung nhưng các đề thi vẫn giống nhau về mạch kiến thức, dạng bài. Chỉ khác nội dung.

Bước 6: Chọn lấy câu hỏi để thực thi.

Bước 7: Nhập thông tin kiến thức đạt được khi học sinh trả lời, làm bài, hoàn thành các câu hỏi tương ứng cho từng mức độ trong mỗi chương, chuyên đề.

Bước 8: Kiểm tra lại số lượng câu, điểm đã lấy tương ứng theo từng mức độ.

Bước 9: In ma trận ra dạng file Word.

Bước 10: Chuyển sang phần ra đề thi, trộn đề.

Bước 11: Chọn chuyên đề cần xem câu và xem nội dung câu hỏi đã được ma trận lấy ngẫu nhiên.

Bước 12: Chọn đổi câu hỏi với các câu chưa hợp lý để thay thế bằng câu khác.

Bước 13: Xuất đề thi

Người thực hiện**: Nguyễn thị kim Thu**